

LỜI GIẢI GỢI Ý BÀI TẬP 1 – KINH TẾ VI MÔ 1

Nội dung	Điểm
Câu 1. Chi phí cơ hội	15
Anh/Chị hãy sử dụng khái niệm chi phí cơ hội để giải thích các trường hợp sau: Một số khái niệm về chi phí cơ hội: • Chi phí cơ hội của một thứ là cái mà bạn phải từ bỏ để có được nó. • Chi phí cơ hội là lợi ích cao nhất bị bỏ qua trong số các phương án thay thế. • Chi phí cơ hội gồm chi phí biểu hiện và chi phí ẩn, chi phí biểu hiện là chi phí được trả trực tiếp bằng tiền, chi phí ẩn không tạo ra giao dịch thanh toán bằng tiền. 1. Trong thời gian học tập tại FSPPM học viên dành thời gian cho thể dục thể thao và giải trí ít hơn trước đây. Trong thời gian học tập ở FSPPM, ngoài giờ lên lớp bắt buộc, học viên phải tốn nhiều thời gian để đọc sách, giáo trình và làm bài tập các môn học; do vậy học viên không còn đủ thời gian để tập thể dục thể thao và giải trí như trước đây, thậm chí phải từ bỏ. Đây chính là một phần chi phí cơ hội của việc học tập tại FSPPM.	3
2. Nhiều người chấp nhận mua hàng ở cửa hàng tiện lợi dù họ biết giá cả hàng hóa ở siêu thị rẻ hơn. Chi phí cơ hội của những người này là số tiền tiết kiệm được nếu mua hàng hoá ở siêu thị thay vì mua ở cửa hàng tiện lợi để có được lợi ích là tiết kiệm thời gian di chuyển. Khi người tiêu dùng có nhu cầu đột xuất hoặc cần gấp với số lượng ít thì họ sẽ mua hàng ở cửa hàng tiện lợi vì chi phí cơ hội thấp hơn lợi ích.	3
3. Anh Minh quyết định trở về công tác tại địa phương sau khi tốt nghiệp FSPPM, dù anh có cơ hội tìm được việc làm ở TP. HCM với mức lương cao hơn. Trở về công tác tại địa phương, anh Minh có được lợi ích là gần gũi gia đình, có điều kiện chăm sóc người thân và có cơ hội thăng tiến... Những lợi ích này cao hơn chi phí cơ hội (lợi ích phải từ bỏ) là mức thu nhập tăng thêm của việc ở lại làm việc tại Tp.HCM. Một cách giải thích khác: Khi ở lại làm việc tại TP.HCM, anh Minh có lợi ích là phần lương cao hơn so với làm việc ở địa phương nhưng chi phí cơ hội (xa gia đình, không có điều kiện chăm sóc người thân, mất cơ hội thăng tiến) lớn hơn lợi ích nên anh quyết định trở về là hợp lý.	3

4. Chị Trang là giảng viên trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng rất muốn học ở FSPPM nhưng sau khi cân nhắc kỹ, chị lại quyết định học Thạc sỹ tại chính trường của mình. Chị Trang muốn học thạc sỹ ở FSPPM có thể là do chị có thông tin về chất lượng đào tạo tại FSPPM tốt. Tuy nhiên, sau khi cân nhắc kỹ, chị lại quyết định học Thạc sỹ tại Đà Nẵng là vì chi phí cơ hội học tại FSPPM là quá lớn, như không chăm sóc và dạy dỗ con cái được, thu nhập giảm nhiều (vì phải ngừng công tác 1,5 năm) mà lại phải chi tiêu nhiều (học phí cao, giá cả sinh hoạt và tiền thuê nhà đắt đỏ...).	3												
5. Từ khi làm việc ở công ty phần mềm anh An không tự may quần áo cho mình nữa mà mua quần áo may sẵn hoặc thuê may ở hiệu may khác. Khi có công việc toàn thời gian, anh An không tự may quần áo cho mình vì nếu tự may thì anh có lợi ích là không phải trả tiền thuê may hay tiết kiệm so với mua nhưng chi phí cơ hội là thiếu thời gian nghỉ ngơi và mất cơ hội làm thêm có thu nhập. Ngắn gọn: tiền tiết kiệm do tự may quần áo thấp hơn lợi ích của nghỉ ngơi hay làm thêm nên anh An quyết định không tự may quần áo.	3												
Câu 2. Lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối và lợi ích từ thương mại	20												
Giả sử, bảng dưới đây là số nhân công cần thiết trong một ngày để sản xuất một chiếc ô tô và một chiếc máy giặt tại Nhật Bản và Việt Nam. <table><tr><td></td><td>Xe ô tô</td><td>Máy giặt</td><td>Tổng số nhân công hiện có</td></tr><tr><td>Nhật Bản</td><td>5</td><td>2</td><td>200</td></tr><tr><td>Việt Nam</td><td>10</td><td>3</td><td>300</td></tr></table>		Xe ô tô	Máy giặt	Tổng số nhân công hiện có	Nhật Bản	5	2	200	Việt Nam	10	3	300	
	Xe ô tô	Máy giặt	Tổng số nhân công hiện có										
Nhật Bản	5	2	200										
Việt Nam	10	3	300										
1. Nước nào có lợi thế tuyệt đối với sản xuất ô tô và nước nào có lợi thế tuyệt đối với sản xuất máy giặt? Nhật Bản có lợi thế tuyệt đối đối với sản xuất ô tô và cả sản xuất máy giặt do Nhật Bản cần số công nhân ít hơn để sản xuất ra một chiếc ô tô và một chiếc máy giặt so với Việt Nam.	2												
2. Nước nào có lợi thế tương đối với sản xuất ô tô và nước nào có lợi thế tương đối với sản xuất máy giặt? Lấy ô tô làm chuẩn so sánh: - Ở Nhật Bản: 1 ô tô = 5/2 máy giặt - Ở Việt Nam: 1 ô tô = 10/3 máy giặt ➔ Ở Nhật Bản, ô tô rẻ hơn một cách tương đối so với ô tô ở Việt Nam.	2												

➔ Nhật Bản có lợi thế tương đối về ô tô so với Việt Nam.

Lấy máy giặt làm chuẩn so sánh:

- Ở Nhật Bản: 1 máy giặt = 2/5 ô tô

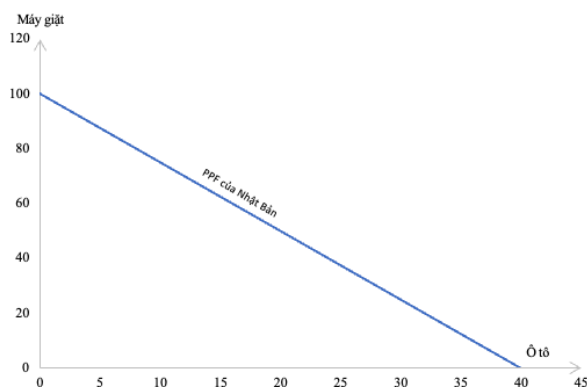
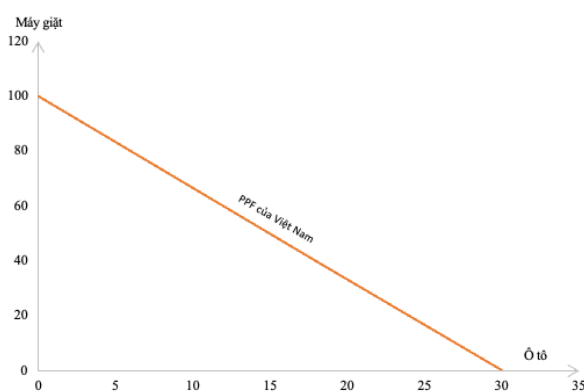
- Ở VN: 1 máy giặt = 3/10 ô tô

➔ Ở Việt Nam, máy giặt rẻ hơn một cách tương đối so với máy giặt ở Nhật Bản

➔ Việt Nam có lợi thế tương đối về máy giặt so với Nhật Bản.

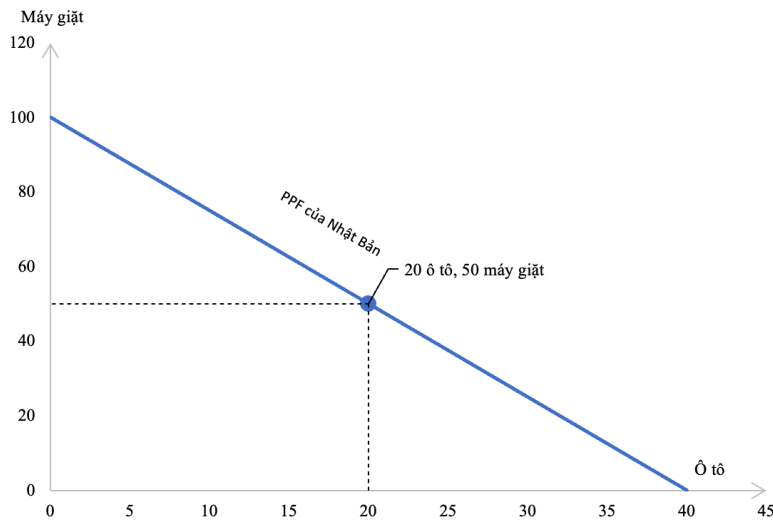
3. Giả sử hai nước đều tự cung tự cấp, không trao đổi thương mại. Anh/Chị hãy vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất (PPF) của mỗi nước.

	Nhật Bản		Việt Nam	
	Xe ô tô	Máy giặt	Xe ô tô	Máy giặt
Số CN cần để sx 1 cái	5	2	10	3
Số cái sx được tối đa dựa trên số công nhân mỗi nước	40	100	30	100



4. Nếu Nhật Bản sử dụng 50% nhân công để sản xuất mỗi mặt hàng thì được bao nhiêu ô tô và bao nhiêu máy giặt? Chỉ ra phối hợp này trên đường PPF.

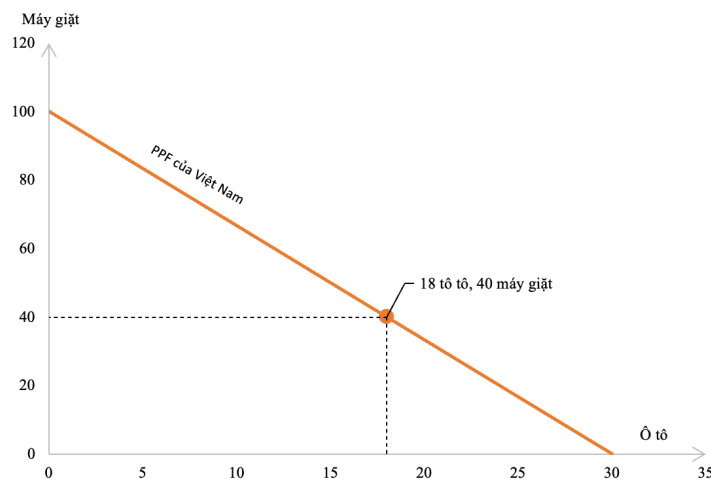
Nếu Nhật Bản sử dụng 50% nhân công (tương ứng 100 công nhân) để sản xuất mỗi mặt hàng thì được 20 ô tô và 50 máy giặt.



5. Nếu Việt Nam quyết định chỉ sản xuất 40 máy giặt thì sẽ sản xuất được bao nhiêu ô tô?
Chỉ ra phối hợp này trên đường PPF.

2

Nếu Việt Nam quyết định chỉ sản xuất 40 máy giặt thì cần 120 công nhân, số công nhân sản xuất ô tô là 180 công nhân tương ứng sản xuất được 18 chiếc ô tô.



6. Nếu dựa vào lợi thế tương đối để chuyên môn hóa sản xuất thì nước nào sẽ sản xuất ô tô và sản xuất được bao nhiêu chiếc? Nước nào sẽ sản xuất máy giặt và sản xuất được bao nhiêu chiếc?

2

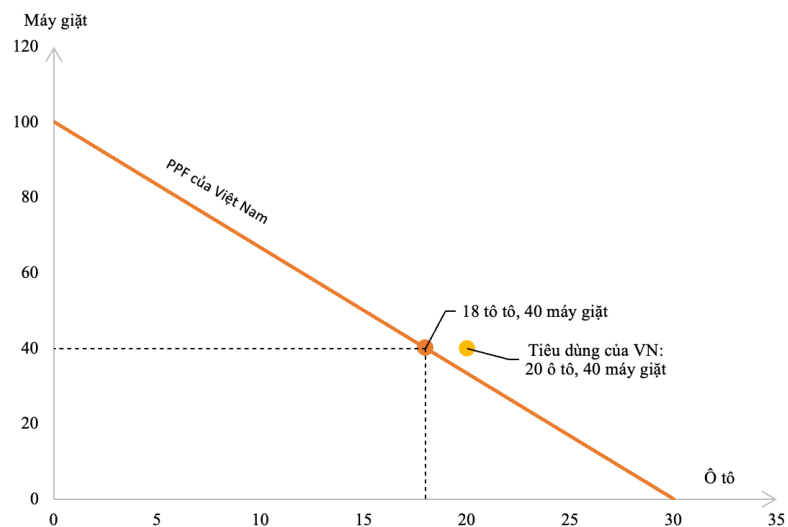
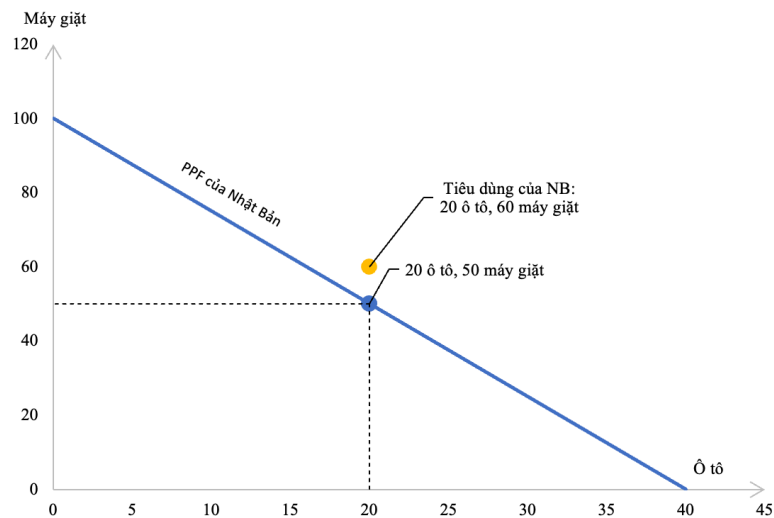
Dựa vào lợi thế tương đối thì Nhật Bản sẽ sản xuất ô tô và sản xuất được 40 ô tô còn Việt Nam sẽ sản xuất máy giặt và sản xuất được 100 máy giặt.

7. Giả sử mức giá trong trao đổi là 1 ô tô = 3 máy giặt và Nhật Bản quyết định xuất khẩu 50% lượng hàng mình sản xuất dùng để nhập khẩu hàng do Việt Nam sản xuất. Anh/Chị

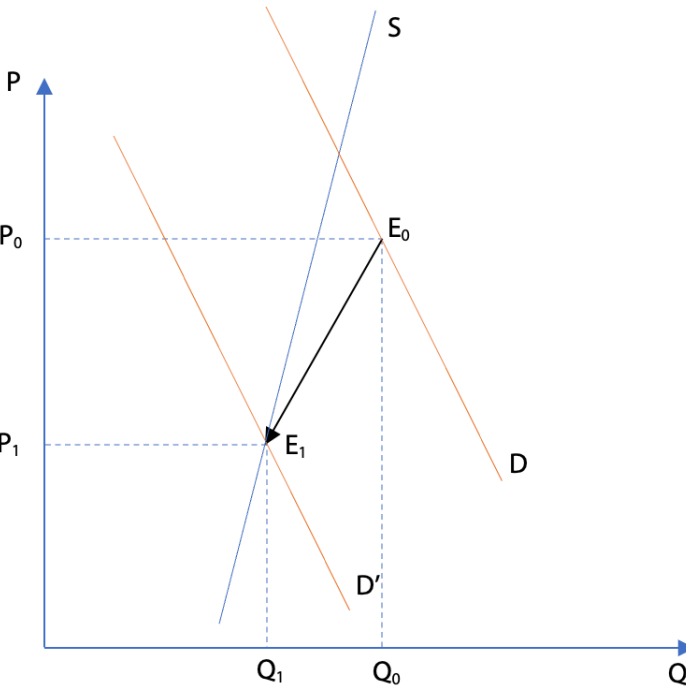
5

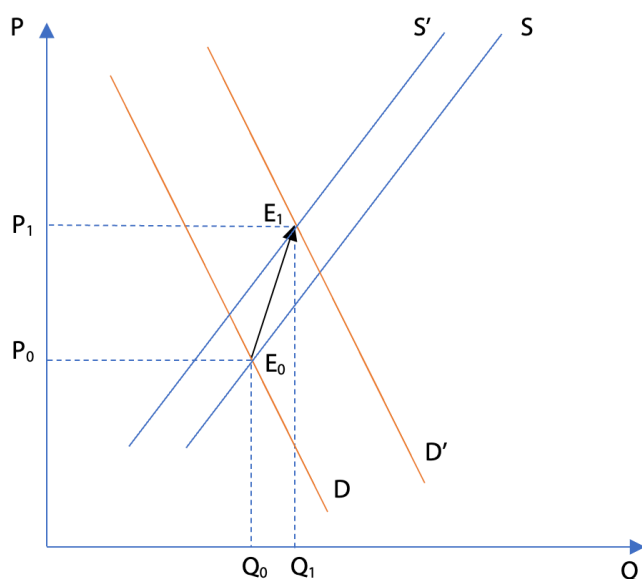
hãy chỉ ra phối hợp tiêu dùng của mỗi nước trên hai đồ thị ở mục 3.

	Nhật Bản		Việt Nam	
	Xe ô tô	Máy giặt	Xe ô tô	Máy giặt
SX và tiêu dùng khi chưa có TM	20	50	18	40
Sản xuất	40	0	0	100
Trao đổi (1 ô tô = 3 máy giặt)	-20	+60	+20	-60
Tiêu dùng	20	60	20	40
Lợi ích từ TM	+0	+10	+2	+0



8. Anh/Chị hãy đưa ra kết luận ngắn gọn. Cả hai quốc gia đều hưởng lợi khi trao đổi so với tự cung, tự cấp. Nhật Bản tiêu dùng được nhiều máy giặt hơn, trong khi Việt Nam có thể tiêu dùng nhiều ô tô hơn.	2
Câu 3. Quy luật cung, cầu (1)	10
1. Anh/Chị hãy viết nội dung của Quy luật cầu. Quy luật cầu: Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi giá một hàng hoá tăng lên thì lượng cầu hàng hoá đó sẽ giảm xuống.	2
2. Năm 2023 giá bất động sản giảm rất nhiều so với năm 2021 nhưng lượng bất động sản giao dịch cũng giảm. Điều này có mâu thuẫn với quy luật cầu hay không? Anh/Chị hãy giải thích và dùng đồ thị cung cầu để minh họa cho câu trả lời của mình. Giá bất động sản có sự dao động giá khác biệt tùy vào địa phương, phân khúc, loại hình nên tùy trường hợp học viên đưa ra để đánh giá. Tuy nhiên, nhìn chung giá bất động sản năm 2023 giảm rất nhiều so với năm 2021 và lượng bất động sản giao dịch cũng giảm là không mâu thuẫn với quy luật cầu. Cụ thể, trong năm 2023, nhu cầu mua bất động sản giảm mạnh (đường cầu dịch chuyển sang trái) bởi một số lý do: 1) kinh tế khó khăn khiến nhu cầu mua nhà thực giảm, 2) chi phí vay mua nhà ở tăng mạnh khiến người mua khó tiếp cận vốn vay để mua nhà, đất, 3) luật Đất đai đang được Quốc hội xem xét cũng là yếu tố hạn chế nhu cầu do người mua chờ đợi hành lang pháp lý rõ ràng trong tương lai trước khi quyết định mua nhà, đất. Các yếu tố này khiến đường cầu bất động sản nói chung dịch chuyển sang trái, lượng giao dịch bất động sản giảm. Minh họa trên đồ thị: cầu dịch chuyển qua trái ($D \rightarrow D'$) và lượng cầu giảm từ Q_0 về Q_1.	8

	
Câu 4. Quy luật cung, cầu (2)	20
Trong mỗi trường hợp dưới đây sẽ có tác động đến cầu hay cung hay cả hai? Anh/Chị hãy giải thích và dùng đồ thị cung cầu phù hợp để chỉ ra sự thay đổi trạng thái cân bằng của thị trường.	
1. “Tác động từ việc Ấn Độ và một số nước cấm xuất khẩu gạo Lệnh cấm xuất khẩu mặt hàng gạo tẻ thường của Ấn Độ mới đây - sau đó đến lượt Nga và các Tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE) cấm xuất khẩu gạo cho đến đầu năm 2024, đang khiến thị trường gạo nói riêng, lương thực nói chung trở nên xáo trộn. Các nước nhập khẩu gạo phải tranh thủ đặt hàng, dẫn đến giá thị trường bị đẩy lên cao. Hiện giá gạo đã tăng từ 10% - 15% so với trước khi có lệnh cấm. Động thái này được dự báo có thể làm trầm trọng hơn cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu hiện nay”. (Phan Tùng, 2023) Việc cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ, Nga, UAE khiến cho nguồn cung gạo xuất khẩu của các nước này ra thế giới bị giảm, đặc biệt, Ấn Độ lại là nhà xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới nên dẫn đến cung gạo thế giới dịch chuyển sang trái ($S \rightarrow S'$). Các nước nhập khẩu gạo tranh thủ đặt hàng, nhu cầu tích trữ gạo tăng, cầu gạo thế giới dịch chuyển sang phải ($D \rightarrow D'$). Điểm cân bằng dịch chuyển từ E_0 sang E_1. Chắc chắn giá cân bằng sẽ tăng còn lượng cân bằng thì chưa đủ thông tin để kết luận. Ở đồ thị phía dưới chỉ là một khả năng có thể xảy ra.	10

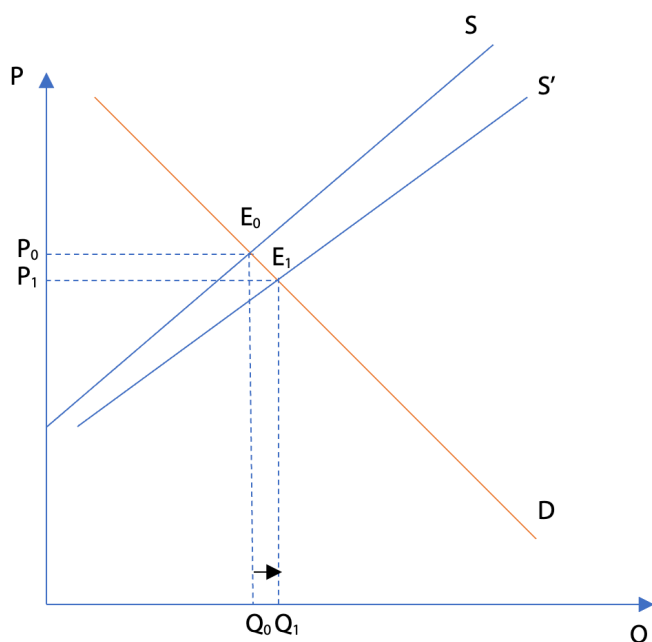


Tài liệu tham khảo: Phan Tùng (2023), “Tác động của việc Ấn Độ và một số nước cấm xuất khẩu gạo”, Báo điện tử VOV, truy cập ngày 06/08/2023 tại địa chỉ: <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/tac-dong-tu-viec-an-do-va-mot-so-nuoc-cam-xuat-khau-gao-post1037545.vov>

2. Chính phủ Việt Nam giảm thuế suất thuế VAT từ 10% xuống còn 8%; đồng thời cũng giảm 30% tiền thuê đất trong năm 2023 để hỗ trợ các doanh nghiệp.

10

Hai chính sách này diễn ra đồng thời và cùng có tác dụng khuyến khích các doanh nghiệp nên làm cung tăng, đường cung dịch chuyển sang phải từ S thành S'. Kết quả là giá cân bằng giảm ($P_0 \rightarrow P_1$) và lượng cân bằng tăng ($Q_0 \rightarrow Q_1$).



Câu 5. Phạm vi của thị trường	15
Nhu cầu vật liệu xây dựng từ năm 2023 đến 2026 ở Miền Tây Nam Bộ rất lớn nhằm đáp ứng xây dựng hai tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (188 km) và Cần Thơ - Cà Mau (109 km). Ngoài ra còn có cầu Đại Ngãi nối hai tỉnh Trà Vinh - Sóc Trăng, với chiều dài toàn tuyến lên đến 15,14 km vừa khởi công hôm 15/10/2023 và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2025; chưa kể đến việc phải gấp rút sửa chữa tuyến cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi (51 km) hiện hư hỏng trầm trọng.	
1. Theo Anh/Chị, trong ba loại vật liệu là xi măng, sắt thép và cát thì có thể khẳng định loại nào chắc chắn sẽ tăng giá? Giải thích. Một số thông tin tham khảo: - Tổng nhu cầu vật liệu cho dự án Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng (188 km) gồm cát đắp nền đường khoảng 29,73 triệu m³, cát xây dựng khoảng 0,99 triệu m³, đá xây dựng các loại khoảng 4,48 triệu (Thị Nguyễn, 2023). - Nhu cầu vật liệu cát đắp nền đường của tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau khoảng 18,46 triệu m³ (Hà Mai, 2023). - Đối với cầu Đại Ngãi (15 km, nối hai tỉnh Trà Vinh – Sóc Trăng) không có thông tin cụ thể về nhu cầu vật liệu xây dựng nhưng đối với các dự án cầu thường sẽ cần nguyên liệu chính là bê tông, xi măng, thép, cát, đá... - Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi (51 km) nối Cần Thơ – Kiên Giang đã đưa vào sử dụng tháng 10/2021, theo trả lời của Bộ trưởng Bộ GTVT tháng 10/2023, Bộ sẽ tiến hành sửa chữa lớn cao tốc và trải bê tông nhựa mặt đường (Trần Nguyễn, 2023). Do đặc thù của nền đất ở khu vực Miền Tây Nam Bộ, các dự án cao tốc đều phải xử lý nền đất yếu với nguồn vật liệu san lấp chủ yếu là cát. Đối với sắt thép và xi măng, phạm vi thị trường là toàn quốc vì chi phí vận chuyển tương đối thấp so với giá trị mỗi tấn; trong khi đó, chi phí vận chuyển cát chiếm giá trị rất lớn so với giá trị của nó nên phạm vi thị trường của cát rất hẹp, có tính cục bộ của khu vực. Đồng thời vì các dự án cao tốc triển khai đồng thời và yêu cầu hoàn thành trong một thời gian tương tự nhau nên nhu cầu cát sẽ tăng rất mạnh mà chỉ được đáp ứng bởi nguồn cung tại chỗ. Dựa trên một số thông tin tham khảo về nhu cầu vật liệu xây dựng của các dự án trên, chúng ta có thể khẳng định giá của vật liệu là cát sẽ tăng giá.	10
2. Giả sử cả ba loại vật liệu đều tăng giá thì loại nào sẽ có mức tăng cao nhất? Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, giá của cát sẽ có mức tăng cao nhất do nhu cầu đối với loại nguyên liệu này sẽ tăng nhiều nhất trong cả ba loại vật liệu dẫn đến đường cầu của mặt hàng này dịch chuyển ra xa sang phải, trong khi đó nguồn cung tuy tăng nhưng chỉ	5

được đáp ứng từ nguồn cung tại chỗ; do đó giá cát tăng mạnh hơn giá của hai loại vật liệu còn lại. Tài liệu tham khảo: 1. Hà Mai (2023), “Giải cơn khát cát cho cao tốc Cần Thơ – Cà Mau”, Báo Điện tử Thanh Niên, truy cập ngày 08/11/2023 tại địa chỉ: https://thanhnien.vn/gia-con-khat-cat-cho-cao-toc-can-tho-ca-mau-185230920102324069.htm 2. GS. TSKH Nguyễn Ngọc Trân (2023), “Thấy và nghĩ gì trên cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi”, Báo Điện tử Thanh Niên, truy cập ngày 08/11/2023 tại địa chỉ: https://thanhnien.vn/thay-va-nghi-gi-tren-cao-toc-lo-te-rach-soi-185230713114134447.htm 3. Thi Nguyễn (2023), “Châm cung cấp cát đắp nền đường cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng”, Tạp chí kinh tế Việt Nam, truy cập ngày 08/11/2023 tại địa chỉ: https://vneconomy.vn/cham-cung-cap-cat-dap-nen-duong-cao-toc-chau-doc-can-tho-soc-trang.htm 4. Xuân Nghi (2023), “Quyết tìm nguồn cát 54 triệu m³ cho 355 km đường cao tốc ở đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí kinh tế Việt Nam, truy cập ngày 08/11/2023 tại địa chỉ: https://vneconomy.vn/quyet-tim-nguon-cat-54-trieu-m3-cho-355-km-duong-cao-toc-o-dong-bang-song-cuu-long.htm	
Câu 6. Cân bằng thị trường và Độ co giãn của cung, cầu	20
Giả sử hàm số cung và hàm số cầu của một hàng hóa trong thị trường cạnh tranh là: (S): $P = 2Q^S + 20$ và (D): $P = -Q^D + 140$. Trong đó, đơn vị tính của P là ngàn đồng/sản phẩm, của Q^S và Q^D là ngàn sản phẩm. Anh/Chị hãy xác định: 1. Trạng thái cân bằng của thị trường. Tại mức giá và sản lượng cân bằng của thị trường, ta có: $\begin{cases} P^S = P^D = P_0 \\ Q^S = Q^D = Q_0 \end{cases}$ $\Leftrightarrow 2Q_0 + 20 = -Q_0 + 140 \Leftrightarrow 3Q_0 = 120 \Leftrightarrow Q_0 = 40 \text{ (ngàn sp)} \Leftrightarrow P_0 = 100 \text{ (ngàn đồng/sp)}$ 2. Hệ số co giãn của cung và của cầu theo giá tại mức giá cân bằng. Cung và cầu co giãn theo giá nhiều hay ít? (S): $P^S = 2Q^S + 20 \Leftrightarrow Q^S = 1/2P^S - 10$	5 5

(D): $P^D = -Q^D + 140 \Leftrightarrow Q^D = -P^D + 140$ Tại mức giá và sản lượng cân bằng, ta có: Hệ số co giãn của cung theo giá: $E_S = \frac{dQ^S}{dP^S} \frac{P_0}{Q_0} = 1/2 \cdot \frac{100}{40} = 1,25 > 1$: cung co giãn nhiều Hệ số co giãn của cầu theo giá: $E_P = \frac{dQ^D}{dP^D} \frac{P_0}{Q_0} = -1 \cdot \frac{100}{40} = -2,5 < -1$: cầu co giãn nhiều 3. Giả sử trong giai đoạn tiếp theo cầu không đổi nhưng cung tăng 20% ở mọi mức giá. Anh/Chị hãy xác định trạng thái cân bằng mới của thị trường. Cung tăng 20% ở mọi mức giá: $Q^{S'} = 1,2Q^S = 0,6P^S - 12$ Trạng thái cân bằng mới: $0,6P_1 - 12 = -P_1 + 140 \Leftrightarrow 1,6P_1 = 152 \Leftrightarrow P_1 = 95$ (ngàn đồng/sp) $\Leftrightarrow Q_1 = 45$ (ngàn sp) 4. Anh/Chị hãy tính và so sánh doanh thu của ngành trước và sau khi cung tăng. Kết quả này có phù hợp với lý thuyết về tương quan giữa doanh thu và giá bán phụ thuộc vào độ co giãn của cầu theo giá hay không? Doanh thu trước khi cung tăng: $TR_0 = P_0 \cdot Q_0 = 4.000$ (triệu đồng) Doanh thu sau khi cung tăng: $TR_1 = P_1 \cdot Q_1 = 4.275$ (triệu đồng) $\Rightarrow TR_1 > TR_0$ là 275 triệu đồng. Kết quả này phù hợp với lý thuyết về tương quan giữa doanh thu và giá bán phụ thuộc vào độ co giãn của cầu theo giá vì $E_P = -2,5 < -1 \Rightarrow$ cầu co giãn nhiều, khách hàng phản ứng mạnh, doanh thu nghịch biến với giá. Do đó, khi giá giảm từ $P_0 = 100$ ngàn đồng/sp xuống $P_1 = 95$ ngàn đồng/sp thì doanh thu tăng.	5 5
---	-------------------